

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2025/DS-PT
Ngày: 28 - 11 - 2025
V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Mạc Thị Chiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 289/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 634/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 526/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông **Trần H**, sinh năm 1971.

2. Bà **Nguyễn M**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số A, đường V, khóm 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

** Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn TH**, sinh năm 1973. (Có mặt)

2. Bà **Lê M**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 206/1A, đường Nguyễn Văn Linh, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ).

Có luật sư **Võ H** – thuộc Văn phòng Luật sư Võ Hoàng Anh thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn TH. (Có mặt)

** Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn TH và bà Lê M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2024, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hồng Thắng trình bày:*

Ngày 01/7/2023, vợ chồng ông Trần H có cho vợ chồng ông Nguyễn TH, bà Lê M vay số tiền là: 100.000.000 đồng với lãi suất là: 1.67%/tháng (đóng hàng tháng), thời hạn vay là trả dần trong 20 tháng (02 tháng trả vốn 10.000.000 đồng). Việc vay tiền có làm biên nhận do bà Lê M ký nhận nhưng bà Lê M không thực hiện việc đóng lãi. Vào ngày 09/10/2023 bà Lê M trả số tiền 20.000.000 đồng vốn còn lại tiền vốn là 80.000.000 đồng và bà Lê M ngưng trả vốn và lãi cho đến nay.

Vào ngày 30/01/2024 bà Lê M mượn thêm 20.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận, hai bên thỏa thuận trả 40.000 đồng/ngày, 1.200.000 đồng/tháng, bà Lê M trả được 09 tháng số tiền 10.800.000 đồng từ ngày vay đến ngày 23/9/2024 ngưng đóng gốc và lãi cho đến nay. Trong thời gian này bà Mai có mua trái cây của bà Lê M số tiền 8.000.000 đồng trừ vào số tiền 20.000.000 đồng còn lại là 12.000.000 đồng.

Ngày 09/10/2023 vợ chồng ông Nguyễn TH, bà Lê M vay của vợ chồng ông Trần H 400.000.000 đồng, lãi suất là: 1%/tháng (đóng hàng tháng), thực tế tính lãi 1,3%/tháng, thời hạn vay là 05 năm. Hai bên có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng B, tỉnh Sóc Trăng và bà Mai có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số BX 944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2024 để làm tin, hai bên có làm hợp đồng thế chấp không có công chứng. Trong quá trình vay ông Nguyễn TH, bà Lê M có đóng lãi cho bà Mai, ông Trần H mỗi tháng 5.200.000 đồng bà Lê M, ông Nguyễn TH đóng được từ ngày vay 09/10/2023 đến tháng 8/2024 số tiền 49.700.000 đồng, đến tháng 9/2024 đóng đủ 5.200.000 đồng, tháng 10/2024 đóng được số tiền 1.200.000 đồng đến nay không đóng. Tổng lãi đã đóng được 56.100.000 đồng.

** Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hồng Thắng yêu cầu Tòa án giải quyết:* Tổng cộng số tiền vốn và tiền lãi ông Nguyễn TH, bà Lê M phải trả cho ông Trần Văn Hoà, bà Nguyễn M là: 530.449.800 đồng (trong đó: Vốn 492.000.000 đồng + lãi 38.449.800 đồng). Đồng thời, ông Nguyễn TH, bà Lê M còn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền và thời gian chậm trả kể từ ngày 24/4/2025 cho đến khi trả đủ tiền cho ông Hoà, bà Mai.

** Bị đơn ông Nguyễn TH trình bày:*

Ông Nguyễn TH thừa nhận có vay số tiền 400.000.000 đồng của ông Trần H và bà Mai vào ngày 09/10/2023 có làm hợp đồng công chứng tại văn phòng công chứng Ba Xuyên và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên thỏa thuận lãi suất 1,3%/tháng (trong hợp đồng là 1%/tháng), mỗi tháng đóng 5.200.000 đồng và ông Nguyễn TH đã đóng lãi từ ngày 10/11/2023 đến ngày 23/9/2024 ngưng cho đến nay, đóng lãi được 11 tháng số tiền đóng lãi được 57.200.000 đồng, mỗi lần đóng lãi là đóng trực tiếp bằng tiền mặt cho bà Mai và không có ký sổ và làm biên nhận, cũng không có người chứng kiến. Lý do ông Nguyễn TH vay số tiền 400.000.000 đồng là vì bà Lê M thiếu nợ nhiều quá bỏ trốn nên ông Nguyễn TH vay số tiền 400.000.000 đồng đưa cho bà Lê M trả, ông Nguyễn TH và bà Lê M kết hôn vào năm 2003, thời gian vay tiền của bà Mai, ông Trần H năm 2023 ông Nguyễn TH và bà Lê M đang sống chung như vợ chồng.

Số tiền vay 100.000.000 đồng và 20.000.000 đồng do bà Lê M vay của bà Mai, ông Nguyễn TH không biết sự việc này. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn TH đồng ý số tiền vay 400.000.000 đồng lãi đã trả là 56.100.000 đồng đến ngày 23/9/2024, đồng ý trả số tiền vay 400.000.000 đồng và lãi nhưng hiện nay ông Nguyễn TH không có tiền khi nào bán đất được sẽ trả.

** Bị đơn bà Lê M trình bày:*

Bà Lê M thừa nhận có vay của ông Trần H, bà Mai số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 01/7/2023, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 5.000.000 đồng, lúc vay bà Lê M có làm biên nhận mượn tiền ngày 01/7/2023, từ ngày vay 01/7/2023 đến ngày 01/7/2024 bà Lê M đã đóng lãi được cho bà Mai 12 tháng số tiền 60.000.000 đồng và ngưng cho đến nay, khi đóng lãi không có làm giấy tờ và cũng không có người chứng kiến.

Vào ngày 09/10/2023 bà Lê M có trả vốn cho bà Mai được 20.000.000 đồng của số tiền vay 100.000.000 đồng còn lại 80.000.000 đồng và bà Mai nói không lấy lãi nữa nhưng hai bên không làm văn bản thỏa thuận, bà Mai đã mua trái cây của bà Lê M nhiều đợt đến ngày 10/10/2024 hai bên có chốt lại nhưng

mỗi người tự ghi vào sổ không có lập một văn bản để hai bên ký với nhau để trừ số tiền 8.000.000 đồng còn lại là 72.000.000 đồng,

Ngày 30/01/2024 bà Lê M vay của bà Mai số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, đóng lãi được từ ngày vay đến ngày 23/9/2024 được 10.800.000 đồng ngưng cho đến nay, việc vay này không có làm giấy.

Ngày 09/12/2023 bà Lê M, ông Nguyễn TH vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 1.3%/tháng, mỗi tháng đóng 5.200.000 đồng, thời hạn thế chấp là 05 năm, từ ngày 09/10/2023 đến ngày 09/10/2028, hai bên có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và bà Mai, ông Trần H đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Nguyễn TH, bà Lê M. Trong thời gian này ông Nguyễn TH, bà Lê M đã trả số tiền lãi từ ngày 09/10/2023 đến ngày 23/9/2024 (11 tháng) với số tiền 57.200.000 đồng ngưng cho đến nay.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện bà Lê M chỉ thống nhất phần vốn vay 400.000.000 đồng, còn phần vay 100.000.000 đồng không đồng ý và nguyên đơn cho rằng bà Lê M, ông Nguyễn TH không thực hiện việc đóng lãi là không đúng.

Thống nhất phần vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 còn thiếu 72.000.000 đồng không tiếp tục tính lãi; phần vay 20.000.000 đồng ngày 04/12/2023 còn nợ vốn 20.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 23/9/2024 đến nay; phần vay 400.000.000 đồng ngày 09/10/2023 đã đóng lãi đến tháng 9/2024 ngưng cho đến nay. Tổng cộng số vốn vay là 492.000.000 đồng. Đồng ý trả số tiền vốn 92.000.000 đồng, trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn số tiền vốn 400.000.000 đồng khi nào bán đất được sẽ trả hết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ), đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn M, ông Trần H.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn TH và bà Lê M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn M, ông Trần H số tiền vốn và lãi là 530.449.800 đồng (trong đó: Vốn 492.000.000 đồng + lãi 38.449.800 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Ngay sau khi ông Nguyễn TH và bà Lê M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn M, ông Trần H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn TH và bà Lê

M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị đơn có đơn kháng cáo như sau:

- Ông Nguyễn TH yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn TH yêu cầu chỉ trả khoản vay 400.000.000 đồng ngày 09/10/2023 là khoản vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Buộc bà Lê M phải trả khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 vì không phải khoản vay chung giữa ông Nguyễn TH và bà Lê M (thời điểm đó ông Nguyễn TH và bà Lê M đã ly hôn). Yêu cầu ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2014 cho ông Nguyễn TH.

- Bà Lê M yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm. Bà Lê M yêu cầu tính khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 mà nay còn 92.000.000 đồng là khoản vay cá nhân của bà và không liên quan đến ông Nguyễn TH. Yêu cầu buộc ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2014 cho bà Lê M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự trình bày:

* Ông Nguyễn TH và bà Lê M đều đồng ý rút lại yêu cầu ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Ông Nguyễn TH yêu cầu cùng liên đới trách nhiệm với bà Lê M trả khoản vay 400.000.000 đồng ngày 09/10/2023 là khoản vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Buộc bà Lê M phải trả khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 vì không phải khoản vay chung giữa ông Nguyễn TH và bà Lê M (thời điểm đó ông Nguyễn TH và bà Lê M đã ly hôn).

* Bà Lê M yêu cầu tính khoản vay ngày 01/7/2023 đến nay còn 92.000.000 đồng là khoản vay cá nhân của bà và không liên quan đến ông Nguyễn TH.

* *Quan điểm của luật sư Võ H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn TH:*

Đề nghị ghi nhận việc ông Nguyễn TH và bà Lê M đều đồng ý rút lại yêu cầu ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị chấp nhận việc ông Nguyễn TH liên đới cùng bà Lê M yêu cầu chỉ trả khoản vay 400.000.000 đồng ngày 09/10/2023 là khoản vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Qua động viên giải thích của Hội đồng xét xử, đối với phần lãi như cấp sơ thẩm đã tính ông Nguyễn TH đồng ý cắt khớp bản án sơ thẩm để buộc liên đới trả khoản này nên không tách ra. Và từ sau khi bản án có hiệu lực, kể từ khi nguyên đơn yêu cầu thi hành án có thể tách ra từng phần để theo số tiền tuyên buộc để tính tiền lãi mà các phần nợ liên quan để các bên phải chịu. Cụ thể, đề nghị xem xét lại để buộc bà Lê M phải trả khoản vay 92.000.000 đồng ngày 01/7/2023 vì đây không phải khoản vay chung giữa ông Nguyễn TH và bà Lê M. Theo Bản án hôn nhân được cung cấp bổ sung tại cấp phúc thẩm, theo đó đủ cơ sở xác định thời điểm đó ông Nguyễn TH và bà Lê M đã ly hôn.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê M xác định khoản nợ không liên quan đến ông Nguyễn TH và ông Nguyễn TH cũng có trình bày ý kiến này nhưng cấp sơ thẩm không đánh giá và quan tâm đến tình tiết này để xem xét làm rõ.

Với những phân tích nêu trên luật sư đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn TH, sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền buộc bà Lê M phải trả khoản vay 92.000.000 đồng ngày 01/7/2023 vì không phải khoản vay chung giữa ông Nguyễn TH và bà Lê M.

Do việc tách ra nợ chung nên cũng đề nghị xem xét tính lại phần án phí mà các bên phải chịu trên số nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự:

Thứ nhất: Đối với kháng cáo yêu cầu ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên kháng cáo đã rút phần yêu cầu kháng cáo này nên cần đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này của các bị đơn theo điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai: Xét về số tiền vốn vay 400.000.000 đồng tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền này và hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2023. Theo cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn TH và bà Lê M đã có Bản án ly hôn số 23/2012/HNGĐ-PT ngày 25/4/2012. Nên vì vậy cần tách phần nợ chung và nợ riêng bà Lê M phải trả số tiền còn lại 92.00.000.000 đồng như kháng cáo đã nêu. Về tiền lãi qua động viên đối với phần lãi như cấp sơ thẩm đã tính ông Nguyễn TH và bà Lê M đồng ý cắt khớp bản án sơ thẩm để buộc liên đới trả khoản này nên không tách ra. Và từ sau

khi bản án có hiệu lực, kể từ khi nguyên đơn yêu cầu thi hành án có thể tách ra từng phần để theo số tiền tuyên buộc để tính tiền lãi mà các phần nợ liên quan đến các bên phải chịu.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308; điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ như phân tích nêu trên; sửa án phí trên số tiền các bên phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ theo các biên nhận đã nhận tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp theo quy định.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn.

[3] *Về thủ tục kháng cáo:* Sau khi xét xử xong các bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật.

Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu ông Trần H và bà Mai trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2014 cho ông Nguyễn TH. Thấy rằng: các bên kháng cáo đã rút phần yêu cầu kháng cáo này nên cần đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này của các bị đơn theo điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Việc ông Nguyễn TH thì đề nghị: Buộc bà Lê M phải tự trả khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 vì không phải khoản vay chung giữa ông Nguyễn TH và bà Lê M (thời điểm đó ông Nguyễn TH và bà Lê M đã ly hôn).

Bà Lê M yêu cầu tính khoản vay 100.000.000 đồng ngày 01/7/2023 mà nay còn 92.000.000 đồng là khoản vay cá nhân của bà và không liên quan đến ông Nguyễn TH. Thấy rằng:

Xét kháng cáo này cho thấy bà Lê M thừa nhận khoản vay này là của cá nhân bà Lê M. Bản án sơ thẩm xác định vào thời điểm bà Lê M vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Mai, ông Trần H là vào ngày 01/7/2023 ông Nguyễn TH và bà Lê M còn trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, theo cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn TH và bà Lê M đã có Bản án ly hôn số 23/2012/HNGĐ-PT ngày 25/4/2012. Nên vì vậy việc sơ thẩm nhận định theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để buộc phải chịu trách nhiệm liên đới là không phù hợp. Do đó, ông Nguyễn TH không phải có trách nhiệm cùng bà Lê M trả số tiền vốn và lãi cho nguyên đơn. Cần sửa án sơ thẩm về phần tuyên này, chấp nhận kháng cáo của bà Lê M và ông Nguyễn TH. Tuy nhiên việc, các bị đơn cung cấp bản án hôn nhân tại giai đoạn phúc thẩm nên việc sửa án này là lỗi khách quan.

[6] Về trách nhiệm liên đới đối với vốn vay 400.000.000 đồng tại phiên tòa sơ thẩm và trong nội dung kháng cáo các bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn và hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2023. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng thừa nhận là khoản vay chung nên không đặt ra xem xét đánh giá.

[7] Về phần tiền lãi đối với số tiền này: Cấp sơ thẩm xác định các mốc tiền lãi rất cụ thể. Tuy nhiên, qua động viên tại phiên tòa hôm nay đối với phần lãi như cấp sơ thẩm đã tính ông Nguyễn TH và bà Lê M đồng ý cắt khớp theo bản án sơ thẩm và chấp nhận liên đới trả khoản lãi này nên cấp phúc thẩm không tách ra.

Cụ thể; Tổng số tiền vốn và tiền lãi ông Nguyễn TH, bà Lê M liên đới phải trả cho ông Hoà, bà Mai là: Vốn 400.000.000 đồng + lãi 38.449.800 đồng. Tách ra cụ thể số tiền bà Lê M phải trả cho ông Hoà, bà Mai số tiền 92.00.000.000 đồng.

Đồng thời, ông Nguyễn TH, bà Lê M còn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền và thời gian chậm trả kể từ ngày 25/4/2025 cho đến khi trả đủ tiền cho ông Hoà, bà Mai. Tuy nhiên cũng cần nêu rõ, từ sau khi bản án có hiệu lực, kể từ khi nguyên đơn yêu cầu thi hành án tách ra từng phần theo số tiền tuyên buộc để tính tiền lãi mà các phần nợ liên quan để các bên phải chịu.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có sửa lại do tách tiền từng phần nợ chung cùng liên đới của ông Nguyễn TH và bà Lê M là án phí trên số tiền 438.449.800 đồng; và bà Lê M phải chịu trên án phí trên số tiền 92.000.000 đồng

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên các bị đơn không phải chịu án phí.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 308; điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn TH và bà Lê M: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ):

1. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này các các bị đơn đối với kháng cáo: Yêu cầu ông Trần H và bà Nguyễn M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2014 cho ông Nguyễn TH và bà Lê M.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm: Sửa về trách nhiệm liên đới và án phí dân sự sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn M, ông Trần H.

2.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn TH và bà Lê M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn M, ông Trần H số tiền vốn và lãi là 438.449.800 đồng (Bốn trăm, ba mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng) (trong đó: Vốn 400.000.000 đồng + lãi 38.449.800 đồng);

2.3. Buộc bị đơn bà Lê M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn M, ông Trần H số tiền vốn 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.4. Ngay sau khi ông Nguyễn TH và bà Lê M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn M, ông Trần H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn TH và bà Lê M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 944031 do ông Nguyễn TH và bà Lê M đứng tên cấp ngày 24/11/2024.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Sửa một phần án phí sơ thẩm buộc các bên phải chịu như sau:

Bà Nguyễn M, ông Trần H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn M, ông Trần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.478.900 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm đồng theo biên lai thu số 0002019 ngày 10/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cần Thơ).

Ông Nguyễn TH và bà Lê M cùng liên đới phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 21.538.000 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Bà Lê M phải chịu 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ông Nguyễn TH và bà Lê M mỗi người được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp các theo biên lai thu số số 0000308 và 0000309 cùng ngày 09/5/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cần Thơ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/11/2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV 5 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV5 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trang